

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST.

Ngày: 06/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui

2. Ông Phan Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ tên: **LÊ VĂN T**, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx tại tỉnh T. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: T ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: xxxxxxxxxxxx cấp ngày xx tháng xx năm xxxx do Cục CSQLHC về TTXH – BCA; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Lê Văn K, sinh năm xxxx và bà Võ Thị Kim S, sinh năm xxxx; Vợ, con: chưa có.

Về đặc điểm nhân thân: Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Lê Văn T bị bắt, tạm giam từ ngày 28/02/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực Thành phố Gò Công thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Bùi Văn T**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh T (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Võ Thị Kim X**, sinh năm xxxx;
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T (có mặt).

Tô Thị Bích Đ, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh T (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 20/9/2024, tại chòi vịt của anh Bùi Văn T, sinh năm xxxx, cư trú ấp K, xã T, huyện G, tỉnh T, có mặt anh T cùng với Võ Văn T, sinh năm xxxx, cư trú ấp L, xã T, huyện G, tỉnh T và Lê Văn T (T), sinh năm xxxx, cư trú ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T. Khi anh T rủ mọi người đi ra giữ vịt thì Lê Văn T không đi do mệt vì có nhậu hôm trước. Sau đó, anh T và Võ Văn T rời chòi đi làm và Lê Văn T ở lại chòi, lúc này Lê Văn T phát hiện điện thoại OPPO A58 màu xanh của anh T đặt trong túi đệm màu vàng treo trên đầu võng nên Lê Văn T nảy sinh ý định trộm cắp và lấy điện thoại bỏ vào túi quần của Lê Văn T rồi gọi cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm xxxx, cư trú ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T (chú của Lê Văn T) đến đón về. Đến khoảng 08 giờ 00 cùng ngày, anh T quay về phát hiện mất điện thoại nên đến Công an Tân Thành trình báo bị mất tài sản là điện thoại OPPO A58 màu xanh, trị giá khoảng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Sau khi lấy trộm điện thoại, Lê Văn T nhờ ông C chở đến cửa hàng điện thoại di động “Hồng Phúc” gần bến xe Sài Gòn thuộc khu vực Thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bán với giá 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng rồi tiêu xài hết. Đến ngày 21/9/2024, Lê Văn T quay lại cửa hàng để chuộc điện thoại trả cho anh Bùi Văn T.

Tang vật thu giữ: 01 (một) điện thoại di động OPPO A58, kiểu máy CPH2577, bộ nhớ 128GB màu xanh.

Theo Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS kết luận tổng giá trị tài sản là 01 (một) điện thoại di động OPPO A58, kiểu máy CPH2577, bộ nhớ 128GB màu xanh (mua vào tháng 5/2024), tại thời điểm bị chiếm đoạt là ngày 20/9/2024 có giá trị là 4.230.000 (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về vật chứng của vụ án và kết luận định giá tài sản.

* Bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-GCĐ ngày 27/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ về những tình tiết có liên quan và việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, bị cáo cũng không có ý kiến gì nên căn cứ quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 20/9/2024 tại ấp Kinh Giữa, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị cáo Lê Văn T đã lén lút trộm cắp tài sản của anh Bùi Văn T 01 (một) điện thoại di động OPPO A58, kiểu máy CPH2577, bộ nhớ

128GB màu xanh có tổng giá trị là: 4.230.000 (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị: 4.230.000 (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Xét khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Văn T đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe bình thường nhưng không có lối sống tích cực cho bản thân, gia đình và có ích cho xã hội, không có ý thức chấp hành pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

- Xét về nhân thân: Bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật tại địa phương, bị cáo bị xử phạt không quá 03 năm tù. Nghĩ không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, trong thời gian chấp hành bản án là đã có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt về sau phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do xét thấy bị cáo bị cáo không có thu nhập ổn định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Văn T đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Bích Đ cũng không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Lê Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Công Đông đã trao trả cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn T là 01 (một) điện thoại di động OPPO A58, kiểu máy CPH2577, bộ nhớ 128GB màu xanh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với bà Tô Thị Bích Đ, sinh năm xxxx, cư trú khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh T khi mua tài sản là điện thoại di động OPPO A58 do bị cáo Lê Văn T mang đến, nhưng tại thời điểm mua điện thoại bà Đ hoàn toàn không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với bà Đ là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn C, sinh năm xxxx, cư trú ấp T, xã Bình Nghi, huyện G, tỉnh T khi chở bị cáo Lê Văn T đến khu vực bến xe thuộc Thành phố Gò Công để bị cáo T bán điện thoại, ông Cảnh hoàn toàn không biết nguồn gốc của tài sản do trộm mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với ông C là có căn cứ.

[9] Lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”.

1.2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án (06/5/2025).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Lê Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.GCD;
- Công an H.GCD;
- THA;
- Bị cáo
- Bị hại; NLQ;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Nguyễn